

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 50-TT/PC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 1997

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Nghị định 39/CP của Chính phủ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý Nhà nước và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Để thực hiện Nghị định 39/CP của Chính phủ thống nhất trong cả nước, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điểm như sau:

1. Đường sắt chuyên dùng nêu tại Khoản 3 Điều 1 (gọi tắt là ĐSCD) là những đoạn đường sắt có cùng khổ đường được nối vào đường sắt quốc gia để tiến hành các tác nghiệp có liên quan đến việc chuyên chở hàng hoá đi, đến, xếp dỡ và tác nghiệp thương vụ khác; đưa các phương tiện, đầu máy, toa xe vào nhà máy sửa chữa.

1.1. Căn cứ vào nguồn vốn xây dựng, quản lý và khai thác sản xuất kinh doanh đường sắt chuyên dùng chia làm 2 loại:

Đường sắt chuyên dùng thuộc tài sản của nhà máy, xí nghiệp, chủ hàng do nhà máy, xí nghiệp, chủ hàng quản lý khai thác.

Đường sắt chuyên dùng thuộc tài sản của ngành đường sắt do Liên hiệp đường sắt Việt Nam (LHĐSVN) quản lý khai thác.

Đường sắt chuyên dùng phục vụ vận chuyển nội bộ trong nhà máy, xí nghiệp, chủ hàng do đơn vị đó quy định việc quản lý khai thác.

1.2. Việc xây dựng Đường sắt chuyên dùng phải được Bộ Giao thông vận tải cho phép.

Các cấu trúc, thiết bị cầu đường và công trình kỹ thuật khác của Đường sắt chuyên dùng phải tuân theo quy phạm kỹ thuật khai thác đường sắt Việt Nam (QPKTKTĐSVN).

1.3. Việc tổ chức khai thác Đường sắt chuyên dùng phải tuân theo "Quy tắc tổ chức khai thác đường nhánh dùng riêng" ban hành kèm theo Quyết định số 1856 ĐS/PC ngày 9 tháng 11 năm 1979 của Tổng cục Đường sắt.

1.4. Phạm vi giới hạn bảo đảm an toàn các công trình đường sắt chuyên dùng của nhà máy, xí nghiệp, chủ hàng hay của ngành đường sắt từ điểm nối ray vào đường sắt quốc gia đến phân giới điểm của nhà máy, xí nghiệp, chủ hàng hay của ngành đường sắt phải tuân theo các Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 25 của Nghị định 39/CP.

Đơn vị quản lý khai thác đường sắt chuyên dùng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn công trình và quản lý phạm vi giới hạn bảo đảm an toàn công trình giao thông đường sắt chuyên dùng.

Việc cấm mốc chỉ giới quy định phạm vi giới hạn bảo đảm an toàn công trình giao thông đường sắt thực hiện theo Quyết định số 2977 QĐ/PC ngày 6 tháng 11 năm 1996 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định cọc mốc chỉ giới đường sắt.

Việc thiết lập đường ngang ở đường sắt chuyên dùng tuân theo Quyết định số 575 QĐ/PC ngày 24 tháng 2 năm 1977 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Điều lệ đường ngang.

1.5. Mọi hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường sắt (TTATGTĐS) trên đoạn đường sắt chuyên dùng từ điểm nối ray vào đường sắt quốc gia đến phân giới điểm của nhà máy, xí nghiệp, chủ hàng bị xử lý theo Chương 6 của Nghị định 39/CP.

2. Các công trình phụ trợ khác nêu tại khoản 1 Điều 2 bao gồm: trạm cấp nước, trạm cấp nhiên liệu, cở hạc, nhà làm việc của nhân viên gác ghi, gác hầm, gác chắn, gác cầu, gác các điểm xung yếu; các cột điện lực, tường rào bảo vệ khu ga, nhà máy, xí nghiệp của đường sắt, các công trình giao thông đường sắt, các biển báo, mốc hiệu, biển hiệu.

3. Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt nêu tại khoản 7 Điều 2, khoản 3 Điều 36 được thực hiện theo quy định tại phụ bản số I, II, III của QPKTKTĐSVN.

4. Những tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và các định mức kinh tế kỹ thuật của ngành đường sắt; điều kiện, tiêu chuẩn của các cơ sở thiết kế, đóng mới, sửa chữa, đăng kiểm thiết bị và phương tiện giao thông đường sắt nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 được thực hiện theo quy định trong các văn bản do Bộ Giao thông vận tải, TCĐS ban hành có nội dung không trái với Nghị định 39/CP đều giữ nguyên hiệu lực thi hành (theo bản thống kê văn bản còn hiệu lực của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam).

5. Trường đào tạo công nhân kỹ thuật của ngành đường sắt, nêu tại Khoản 3 Điều 7, giảng dạy theo nội dung chương trình của Bộ Giao thông vận tải, được Bộ uỷ quyền cấp bằng tốt nghiệp và chứng chỉ chuyên môn cho từng chức danh theo văn bản số 1007 TCCB-LĐ ngày 11 tháng 11 năm 1996 của LHĐSVN về việc cấp giấy chứng chỉ nghề nghiệp.

Đơn vị sử dụng công nhân lái máy công nhận chức danh tài xế và cấp giấy phép lái máy theo quy định phân cấp tại mục III văn bản số: 456/TCCB-LĐ ngày 9 tháng 5 năm 1989 của Tổng cục Đường sắt.

6. Chân rãnh dọc hay chân rãnh đỉnh của đường nêu ở Điều 17 là chân phía ngoài của rãnh (xem hình vẽ số 1, 2 của phụ bản 1).

7. Phạm vi giới hạn bảo đảm an toàn của đường sắt nêu tại khoản 2 Điều 19 được hiểu như sau:

Trong phạm vi chiều dài của cầu tính từ đuôi mố cầu bên này đến đuôi mố cầu bên kia, kể từ điểm ngoài cùng của kết cấu cầu trở ra mỗi bên theo quy định là 20m, 50m, 100m, 150m tùy theo cầu nhỏ lớn.

Trong phạm vi chiều dài từ đuôi mố cầu mỗi bên trở ra tới cột tín hiệu phòng vệ, hoặc từ đuôi mố cầu mỗi bên trở ra 50 m với cầu không có cột tín hiệu phòng vệ là đoạn đường đặc biệt, phạm vi có thể thu hẹp tùy theo địa hình địa thế và mức độ bảo đảm an toàn công trình đường sắt tại địa điểm để quyết định. Nhưng trong mọi trường hợp mỗi bên không nhỏ dưới 20 m tính từ đường kéo dài của điểm ngoài cùng của mỗi bên của kết cấu của cầu; đồng thời vẫn phải phù hợp với các Điều 17, Điều 29.

8. Đơn vị quản lý công trình giao thông đường sắt nêu tại Điều 25 bao gồm các cơ quan, đơn vị thuộc khối quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt.